

Thì quá khứ

1. Thì quá khứ đơn (Simple Past)

Công thức thì quá khứ đơn đối với động từ thường

Khẳng định: **S + Vp2/ED + O**

Phủ định: **S + did + not + V(inf) + O**

Nghi vấn: **Did + S + V(inf) + O ?**

Công thức thì quá khứ đơn đối với động từ Tobe

Trong trường hợp dạng bị động của thì quá khứ đơn thì các bạn có thể dùng theo công thức bên dưới:

Khẳng định: **S + Were/Was + V_ed/Vp2**

Phủ định: **S + Were/Was + V_ed/Vp2**

Nghi vấn: **Were/Was + S + V_ed/Vp2 ?**

Dấu hiệu nhận biết:

*Các từ thường xuất hiện trong thì quá khứ đơn: **Yesterday, ago, last night/ last week/ last month/ last year, ago(cách đây), when.***

Cách dùng:

- Dùng thì quá khứ đơn khi nói về một hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.
VD: I went to the concert last week; I met him yesterday.
- Diễn đạt các hành động xảy ra liên tiếp trong quá khứ
VD: She came home, had a cup of water and went to her room without saying a word.
- Dùng trong câu điều kiện loại 2

VD: If I were rich, I wouldn't be living this life.

- Diễn đạt một hành động xen vào một hành động đang diễn ra trong quá khứ

VD: Jordan was waiting for the bus when Tim came.

2. Thì quá khứ tiếp diễn

Công thức

Khẳng định: **S + was/were + V_ing + O**

Phủ định: **S + was/were + not + V_ing + O**

Nghi vấn: **Was/were + S + V_ing + O ?**

Dấu hiệu nhận biết:

Trong câu có trạng từ thời gian trong quá khứ với thời điểm xác định.

- At + thời gian quá khứ (at 5 o'clock last night,...)
- At this time + thời gian quá khứ. (at this time one weeks ago, ...)
- In + năm trong quá khứ (in 2010, in 2015)
- In the past
- Khi câu có "when" nói về một hành động đang xảy ra thì có một hành động khác chen ngang vào.

VD: I went to the concert last week; I met him yesterday.

3. Quá khứ hoàn thành (Past Perfect)

Công thức dùng:

Khẳng định: **S + had + V3/ED + O**

Phủ định: **S + had + not + V3/ED + O**

Nghi vấn: **Had + S + V3/ED + O ?**

Dấu hiệu nhận biết:

Trong câu có các từ: **After, before, as soon as, by the time, when, already, just, since, for....**

Cách dùng

Diễn tả một hành động đã xảy ra, hoàn thành trước một hành động khác trong quá khứ.

VD: I had gone to school before Nhung came.

4. Quá khứ hoàn thành tiếp diễn (Past Perfect Continuous)

Công thức:

Khẳng định: **S + had + been + V-ing + O**

Phủ định: **S + had + not + been + V-ing**

Nghi vấn: **Had + S + been + V-ing ?**

Dấu hiệu nhận biết:

Trong câu thường có: **Until then, by the time, prior to that time, before, after.**

Cách dùng:

- Nói về một hành động xảy ra kéo dài liên tục trước một hành động khác trong quá khứ.

VD: I had been typing for 3 hours before I finished my work.

- Nói về một hành động xảy ra kéo dài liên tục trước một thời điểm được xác định trong quá khứ.

VD: Phong had been playing game for 5 hours before 12pm last night